

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hồng Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tô Thành Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2024)
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
Bà Lưu Quỳnh Mai	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Hà Thị Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Khổng Thị Hương Lan	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Ngà	Thành viên
Bà Tăng Thị Diệu Linh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Tô Thành Hưng - Tổng Giám đốc. Ông Tô Thành Hưng đã ủy quyền việc lập và phê duyệt báo cáo tài chính riêng của Công ty cho bà Nguyễn Thị Thu Hà (Phó Tổng Giám đốc thường trực) theo Giấy ủy quyền số 01/2021/UQ-PHARBACO ngày 07 tháng 01 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 033110/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương I (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.700.050.219	913.662.419.035
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	228.457.616.692	206.216.639.888
1. Tiền	111		228.457.616.692	8.216.639.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	198.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.668.011.494	264.773.427.661
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	211.124.937.554	161.419.550.035
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	50.768.678.408	107.225.089.554
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	5.184.498.356	16.323.949.020
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(60.410.102.824)	(20.195.160.948)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	181.198.323.077	273.206.020.350
1. Hàng tồn kho	141		181.307.079.046	281.060.435.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(108.755.969)	(7.854.415.573)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.376.098.956	169.466.331.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	3.635.354.640	1.994.017.957
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		157.740.744.316	167.377.938.065
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	-	94.375.114
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.389.916.323.016	2.253.530.835.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.854.697.592	156.854.697.592
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	156.854.697.592	156.854.697.592
II. Tài sản cố định	220		135.410.988.399	112.496.556.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	87.482.750.362	102.878.895.085
- Nguyên giá	222		559.317.096.007	547.448.403.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(471.834.345.645)	(444.569.507.954)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	47.928.238.037	9.617.661.856
- Nguyên giá	228		57.227.979.082	15.427.979.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.299.741.045)	(5.810.317.226)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.089.555.485.887	1.971.557.907.671
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.089.555.485.887	1.971.557.907.671
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		283.853.641	283.853.641
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	283.853.641	283.853.641
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.811.297.497	12.337.819.564
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	7.811.297.497	12.337.819.564
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.167.616.373.235	3.167.193.254.444

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.897.891.373.284	1.919.143.714.255
I. Nợ ngắn hạn	310		976.318.468.468	924.026.415.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	174.563.722.890	112.095.153.810
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	149.576.264.685	118.473.044.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	4.890.201.326	9.907.863.501
4. Phải trả người lao động	314		14.713.709.889	12.004.366.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.099.275.741	4.070.701.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	6.026.920.376	24.851.636.728
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17b	620.893.815.332	642.069.089.884
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		554.558.229	554.558.229
II. Nợ dài hạn	330		921.572.904.816	995.117.299.063
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.720.600.000	2.615.020.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	919.558.016.888	992.213.597.104
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		294.287.928	288.681.959
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.269.724.999.951	1.248.049.540.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.269.724.999.951	1.248.049.540.189
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.132.999.020.000	1.132.999.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.132.999.020.000	1.132.999.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.731.363.636	25.731.363.636
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.505.239.661	38.505.239.661
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.028.588.865	43.343.785.822
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.343.785.822	3.977.656.868
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.684.803.043	39.366.128.954
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.460.787.789	7.470.131.070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.167.616.373.235	3.167.193.254.444



Trần Thị Bích Loan
Người lập

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.066.796.488.421	1.341.155.656.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.701.142.857	1.122.900.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.065.095.345.564	1.340.032.756.386
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	855.335.074.533	1.109.245.779.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		209.760.271.031	230.786.977.166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.971.391.910	6.515.043.180
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.258.189.305	46.183.731.165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.548.872.295	40.619.602.712
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.890.899.552	6.001.422.926
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	134.371.319.416	133.988.532.542
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.211.254.668	51.128.333.713
12. Thu nhập khác	31	VI.7	88.007.744	82.018.781
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.149.867.791	1.518.501.524
14. Lợi nhuận khác	40		(2.061.860.047)	(1.436.482.743)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.149.394.621	49.691.850.970
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.468.328.890	10.327.547.880
17. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		5.605.969	2.738.795
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.675.459.762	39.361.564.295
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.684.803.043	39.366.128.954
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(9.343.281)	(4.564.659)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	191	347
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	191	347


Trần Thị Bích Loan
Người lập


Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.149.394.621	49.691.850.970
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30.760.611.578	32.037.525.324
Các khoản dự phòng	03	32.469.282.272	27.963.210.615
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.569.878.279	2.067.003.356
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(725.160.548)	(3.030.380.378)
Chi phí lãi vay	06	36.548.872.295	40.619.602.712
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	130.772.878.497	149.348.812.599
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	27.633.247.593	(195.572.043.481)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	99.753.356.877	(4.290.743.840)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.144.713.530	(22.097.010.398)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.885.185.384	(2.217.919.413)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.445.937.712)	(39.644.977.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.500.000.000)	(11.735.741.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	245.243.444.169	(126.209.623.550)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(129.901.725.729)	(188.733.491.559)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	100.000.000	4.909.090.909
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	70.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	643.102.808	4.054.181.187
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(129.158.622.921)	(109.770.219.463)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	618.699.723.699	1.366.532.799.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(712.530.578.467)	(1.059.064.322.634)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.875.000)	(56.191.359.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.843.729.768)	251.277.117.637
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	22.241.091.480	15.297.274.624
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	206.216.639.888	190.912.971.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(114.676)	6.393.623
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	228.457.616.692	206.216.639.888



Trần Thị Bích Loan
Người lập


Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương I trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam (nay là Tổng Công ty Dược Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 401/BYT-QĐ ngày 22 tháng 04 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương I được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco theo Quyết định số 286/QĐ-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2007 và Quyết định số 2311/QĐ-BYT ngày 27 tháng 06 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018671 ngày 25 tháng 07 năm 2007. Công ty có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 cấp ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 767/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2019 với mã chứng khoán là PBC.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 160, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.132.999.020.000 đồng; tương đương 113.299.902 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Việt Mỹ	Thôn Thạch Lỗi, Xã Thanh Xuân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	75%	75%	75%	Kinh doanh kho bãi và lưu trữ hàng hóa.
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Bệnh viện Trung ương 1 - Pharbaco	Số 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	44%	44%	44%	Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 601 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 652 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh theo lô hàng nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm máy vi tính	08 - 10
Máy chủ ảo	03
Công thức thuốc	20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm trích trước chi phí lãi vay, chi phí kiểm toán,... là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi đã có đủ hồ sơ, chứng từ, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.716.021.955	2.714.031.834
Tiền gửi ngân hàng	225.741.594.737	5.502.608.054
Các khoản tương đương tiền	-	198.000.000.000
Cộng	228.457.616.692	206.216.639.888

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần APPOLLO OIL	48.554.676.661	48.554.676.661
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Vận tải Hải Minh Hưng	16.976.071.942	22.189.980.667
Khách hàng khác	145.594.188.951	90.674.892.707
Cộng	211.124.937.554	161.419.550.035
b) Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	17.153.874.952	22.367.783.677

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần APPOLLO OIL (*)	8.066.635.605	49.866.635.605
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện lạnh Quý Long (**)	15.481.044.300	15.379.324.500
Các nhà cung cấp khác	27.220.998.503	41.979.129.449
Cộng	50.768.678.408	107.225.089.554

(*) Khoản trả trước theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 11/PBC-APL ngày 01/03/2018 về chuyển giao công nghệ của 90 sản phẩm dược. Tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT là 85,5 tỷ đồng. Đơn giá mỗi sản phẩm chuyển giao là 950.000.000 đồng.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận giá trị tài sản cố định vô hình với 44 bộ hồ sơ đã nộp và được Cục quản lý Dược cấp số đăng ký (VISA) tương ứng số tiền 41.800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(**) Khoản trả trước với Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Quý Long theo Hợp đồng số 03/HĐ/QL-PHARBACO ngày 15 tháng 03 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng đi kèm liên quan đến hạng mục thiết kế, cung cấp, thi công, lắp đặt hệ thống MEP của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn Châu Âu.

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	898.286.197	15.803.975.818
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	218.943.598	9.094.412.476
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	6.000.000.000
- Các đối tượng khác	679.342.599	709.563.342
Tạm ứng	483.395.880	442.253.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Phúc Thịnh	3.682.387.226	-
Phải thu khác	120.429.053	77.719.302
Cộng	5.184.498.356	16.323.949.020
b) Dài hạn		
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà (i)	137.443.287.674	137.443.287.674
Công ty Cổ phần BV Pharma (ii)	19.371.518.993	19.371.518.993
Ký cược, ký quỹ dài hạn	39.890.925	39.890.925
Cộng	156.854.697.592	156.854.697.592
c) Phải thu dài hạn là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.2)	137.443.287.674	137.443.287.674

(i) Khoản ủy thác Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà góp vốn đầu tư dự án xây dựng tòa nhà thương mại HAI HA PETRO tại đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ dân phố số 6 thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05012023/PBC-HAI HA ngày 05/01/2023. Lợi nhuận Công ty được hưởng tương ứng với số vốn góp vào dự án sau khi Dự án đi vào hoạt động và có doanh thu.

Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.4 - Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thu hồi lại khoản hợp tác đầu tư nêu trên theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-2025/BBTL ngày 10 tháng 03 năm 2025 do Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà đã vi phạm tiến độ đầu tư.

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/PBC-HĐHTKD ngày 12/05/2017 với Công ty Cổ phần BV Pharma để thực hiện hoạt động hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm và kinh doanh các mặt hàng. Hai bên sẽ phân chia lợi nhuận trước thuế từ nhà máy theo tỷ lệ 50/50.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I – PHARBACO

Số 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Công ty Cổ phần APOLLO OIL	48.554.676.661	14.566.402.999	(33.988.273.662)	23.812.740.668
Công ty Cổ phần BV Pharma	19.371.518.993	-	(19.371.518.993)	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Hương Quê	2.565.085.530	-	(2.565.085.530)	-
Công ty TNHH Thương mại Vá	1.814.538.915	-	(1.814.538.915)	-
Dược phẩm Tiến Thành	3.496.952.851	826.267.127	(2.670.685.724)	3.041.003
Các đối tượng khác	75.802.772.950	15.392.670.126	(60.410.102.824)	23.815.781.671
Cộng			44.010.942.619	(20.195.160.948)

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	293.996.260	-	9.660.629.060	-
Nguyên liệu, vật liệu	116.595.122.061	(100.876.303)	173.731.445.374	(81.772.406)
Công cụ, dụng cụ	2.210.998.157	-	2.156.775.458	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.929.047.964	-	22.274.039.275	(5.108.802)
Thành phẩm	37.952.402.131	(7.879.666)	32.617.188.828	(2.201.032)
Hàng hoá	2.325.512.473	-	40.620.357.928	(7.765.333.333)
Cộng	181.307.079.046	(108.755.969)	281.060.435.923	(7.854.415.573)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp/ bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	-	-	71.075.699.698	71.010.864.849	64.834.849			
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	4.455.413.100	4.455.170.900	242.200			
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.036.144.758	1.006.846.693	29.298.065			
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	35.876.645.291	35.876.645.291	-			
Cộng	-	-	112.443.902.847	112.349.527.733	94.375.114			
b) Các khoản phải nộp								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.876.192.391		6.468.328.890	11.500.000.000	9.907.863.501			
Thuế thu nhập cá nhân	14.008.935		14.008.935	-	-			
Thuế môn bài	-		8.000.000	8.000.000	-			
Thuế nhà thầu	-		28.730.982	28.730.982	-			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		3.066.855	3.066.855	-			
Cộng	4.890.201.326		6.522.135.662	11.539.797.837	9.907.863.501			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	126.732.541.191	401.875.140.279	14.893.321.615	3.947.399.954	547.448.403.039
Mua trong năm	-	11.716.389.331	-	187.758.182	11.904.147.513
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.454.545)	-	-	(35.454.545)
Số dư cuối năm	126.732.541.191	413.556.075.065	14.893.321.615	4.135.158.136	559.317.096.007
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	86.894.548.225	344.884.816.717	11.437.716.371	1.352.426.641	444.569.507.954
Khấu hao trong năm	4.969.093.410	20.618.560.526	1.031.982.475	651.551.348	27.271.187.759
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.350.068)	-	-	(6.350.068)
Số dư cuối năm	91.863.641.635	365.497.027.175	12.469.698.846	2.003.977.989	471.834.345.645
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	39.837.992.966	56.990.323.562	3.455.605.244	2.594.973.313	102.878.895.085
Số dư cuối năm	34.868.899.556	48.059.047.890	2.423.622.769	2.131.180.147	87.482.750.362

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 39.004.293.231 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40.990.004.297 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 345.034.871.171 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 313.601.545.732 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Máy chủ ảo VND	Công thức thuốc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	14.560.550.514	867.428.568	-	15.427.979.082
Tăng trong năm	-	-	41.800.000.000	41.800.000.000
Số dư cuối năm	14.560.550.514	867.428.568	41.800.000.000	57.227.979.082
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	5.017.666.983	792.650.243	-	5.810.317.226
Khấu hao trong năm	1.803.337.095	74.778.325	1.611.308.399	3.489.423.819
Số dư cuối năm	6.821.004.078	867.428.568	1.611.308.399	9.299.741.045
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	9.542.883.531	74.778.325	-	9.617.661.856
Số dư cuối năm	7.739.546.436	-	40.188.691.601	47.928.238.037

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 867.428.568 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 0 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược tiêu chuẩn GMP EU 2 giai đoạn (*)	2.062.672.315.160	1.943.859.922.129
+ PMU1	1.432.868.660.346	1.360.026.451.884
+ PMU2	629.803.654.814	583.833.470.245
Dự án điện gió	-	814.814.815
Dự án Trung tâm thương mại giao nhận và trung chuyển hàng hóa Nội Bài	26.883.170.727	26.883.170.727
Cộng	2.089.555.485.887	1.971.557.907.671

(*) Dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm tiêu chuẩn GMP EU tại xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.811.936.450	839.553.714
Chi phí trả trước khác	1.823.418.190	1.154.464.243
Cộng	3.635.354.640	1.994.017.957
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.247.323.773	953.688.812
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	5.622.889.461	11.060.552.374
Chi phí trả trước khác	941.084.263	323.578.378
Cộng	7.811.297.497	12.337.819.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Các điều chỉnh lũy kế	Giá gốc	Các điều chỉnh lũy kế
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cơ phan Bệnh viện Trung ương I - Pharbaco	1.176.000.000	(892.146.359)	1.176.000.000	(892.146.359)
Cộng	1.176.000.000	(892.146.359)	1.176.000.000	(892.146.359)
				283.853.641
				283.853.641

(*) Công ty Cổ phần Bệnh viện Trung ương I - Pharbaco hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108606011 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2019. Công ty kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Ngày 22 tháng 04 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ra Nghị quyết số 01/2021/QĐ-DHĐCĐ về việc giải thể Công ty.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Truking Technology Limited	20.650.318.200	20.650.318.200	21.201.444.000	21.201.444.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VRT	18.586.912.614	18.586.912.614	-	-
SINOBRIGHT PHARMA CO., LIMITED	10.986.930.000	10.986.930.000	9.847.365.000	9.847.365.000
RV Group (S) Pte. Ltd	8.354.796.801	8.354.796.801	7.984.976.630	7.984.976.630
Phải trả cho các đối tượng khác	115.984.765.275	115.984.765.275	73.061.368.180	73.061.368.180
Cộng	174.563.722.890	174.563.722.890	112.095.153.810	112.095.153.810

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO
Số 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dược phẩm Y tế HMMH	16.682.180.840	16.682.180.840	15.152.180.840	15.152.180.840
Công ty Cổ phần dược Minh Sơn Phaco	14.228.974.240	14.228.974.240	4.694.000.000	4.694.000.000
Các đối tượng khác	118.665.109.605	118.665.109.605	98.626.864.035	98.626.864.035
Cộng	149.576.264.685	149.576.264.685	118.473.044.875	118.473.044.875

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	3.777.296.837	2.674.362.254
Trích trước chi phí khác	1.321.978.904	1.396.339.370
Cộng	5.099.275.741	4.070.701.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	856.081.701	564.321.253
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.174.020.000	313.200.000
Phải trả, phải nộp khác	3.996.818.675	23.974.115.475
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Phúc Thịnh (*)	-	20.000.000.000
- Công ty TNHH BRV Healthcare	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các đối tượng khác	1.996.818.675	1.974.115.475
Cộng	6.026.920.376	24.851.636.728
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.720.600.000	2.615.020.000
- Trường Trung học phổ thông Văn Lang	1.140.000.000	1.140.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Phương Linh	-	427.500.000
- Các đối tượng khác	80.600.000	547.520.000
Cộng	1.720.600.000	2.615.020.000

(*) Khoản tiền do Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Phúc Thịnh ứng trước tiền chuyển đổi quyền lợi trong tương lai của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco theo phụ lục hợp đồng số PL02 N26/11/16 của Hợp đồng HTDT N 12/5/10 với số tiền là 20 tỷ đồng.

Theo biên bản bù trừ công nợ số 03/Pharbaco ngày 01 tháng 10 năm 2024, Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Phúc Thịnh thống nhất bù trừ công nợ với số tiền 20.000.000.000 đồng. Theo đó, sau khi bù trừ công nợ, số phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Phúc Thịnh (tại ngày 30 tháng 06 năm 2024) về tiền thuê đất tại số 85 Tôn Đức Thắng (do Pharbaco nộp hộ) số tiền 23.682.387.226 đồng chỉ còn 3.682.387.226 đồng (xem chi tiết thuyết minh V.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I – PHARBACOSố 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.**Mẫu số B 09 – DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	458.652.250.269	458.652.250.269	618.699.723.699	636.381.991.891	476.334.518.461	476.334.518.461
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên (i)	408.733.390.290	408.733.390.290	511.864.260.158	491.131.608.448	388.000.738.580	388.000.738.580
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	33.165.912.500	91.275.259.421	58.109.346.921	58.109.346.921
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.228.920.000	31.453.352.960	30.224.432.960	30.224.432.960
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	49.918.859.979	49.918.859.979	72.440.631.041	22.521.771.062	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	162.241.565.063	162.241.565.063	72.655.580.216	76.148.586.576	165.734.571.423	165.734.571.423
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	41.685.565.063	41.685.565.063	43.999.999.992	6.493.006.352	4.178.571.423	4.178.571.423
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	120.556.000.000	120.556.000.000	28.655.580.224	69.655.580.224	161.556.000.000	161.556.000.000
Tổng cộng vay ngắn hạn	620.893.815.332	620.893.815.332	691.355.303.915	712.530.578.467	642.069.089.884	642.069.089.884

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/1809635/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 420.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động (bao gồm cho vay, phát hành bảo lãnh, mở LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30 tháng 10 năm 2025. Thời hạn cho vay theo hạn mức đối với mỗi khoản vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm khoản vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết cụ thể. Tại mọi thời điểm, khách hàng đáp ứng chính sách về tài sản bảo đảm của BIDV trong từng thời kỳ và tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu là 65%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I – PHARBACOSố 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 76/2022/HDTD/HGM ngày 14 tháng 06 năm 2022. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm của Công ty. Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 6 tháng. Lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay được quy định tại các hợp đồng bảo đảm kỳ kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của hợp đồng này; các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng của hợp đồng bảo đảm.

Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 07 năm 2024 đính kèm Hợp đồng cấp tín dụng số 76/2022/HDTD/HGM. Theo đó, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức mới số 04/2025/HDTD/HGM với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Theo đó, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng. Giá trị hạn mức tín dụng trên đã bao gồm dư nợ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 76/2022/HDTD/HGM ký ngày 14 tháng 06 năm 2022. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn của Công ty	919.558.016.888	919.558.016.888	-	72.655.580.216	992.213.597.104	992.213.597.104
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	166.857.142.884	166.857.142.884	-	43.999.999.992	210.857.142.876	210.857.142.876
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên (ii)	752.700.874.004	752.700.874.004	-	28.655.580.224	781.356.454.228	781.356.454.228
Cộng	919.558.016.888	919.558.016.888	-	72.655.580.216	992.213.597.104	992.213.597.104

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong số 18/2021/HDTD/HGM/03 ngày 28 tháng 04 năm 2021 số tiền 27 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Mục đích khoản vay để thanh toán chi phí đầu tư dự án điện mặt trời áp mái trên mái nhà xưởng tại thôn Thạch Lỗi, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 18/2021/HDBD/HGM/04 ngày 28 tháng 04 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I – PHARBACO

Số 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- Hợp đồng cho vay số 31/2023/HĐTD/HGM/01 ngày 14 tháng 03 năm 2023 với số tiền vay 198 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích khoản vay để bù đắp vốn trung hạn của Công ty. Tài sản đảm bảo khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp cụ thể được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo các hợp đồng tín dụng cụ thể sau:
 - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/1809635/HĐTD ngày 11 tháng 01 năm 2021, hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng. Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Mục đích khoản vay để phát hành LC thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ để tiến hành giai đoạn II - Dự án nhà máy bảo chế dược phẩm tiêu chuẩn GMP - EU (PMU2). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tại dự án đầu tư giai đoạn 2 (PMU2).
 - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2022/1809635/HĐTD ngày 29 tháng 09 năm 2022, hạn mức tín dụng 450 tỷ đồng. Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Mục đích khoản vay để cho vay hoàn vốn tự có đã tham gia vào Dự án đầu tư giai đoạn I nhà máy bảo chế dược phẩm tiêu chuẩn GMP - EU (PMU1).
 - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2022/1809635/HĐTD ngày 30 tháng 08 năm 2022, hạn mức tín dụng tối đa 247 tỷ đồng nhưng không vượt quá dư nợ gốc thực tế của khoản vay này tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Đông tại thời điểm BIDV giải ngân cho vay. Thời hạn vay theo lịch trả nợ hiện hữu của khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Đông nhưng không vượt quá ngày 08 tháng 07 năm 2026. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Mục đích khoản vay để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay tài trợ giai đoạn I - Dự án nhà máy bảo chế dược phẩm tiêu chuẩn GMP - EU (PMU1) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Đông. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có tại dự án đầu tư giai đoạn 1 (PMU1) và các tài sản khác đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Đông.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	162.241.565.063	165.734.571.423
Trong năm thứ hai	303.166.299.992	213.861.142.848
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	607.106.002.596	778.352.454.256
Sau năm năm	9.285.714.300	-
Cộng	1.081.799.581.951	1.157.948.168.527
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	162.241.565.063	165.734.571.423
Số phải trả sau 12 tháng	919.558.016.888	992.213.597.104

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I – PHARBACOSố 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.**Mẫu số B 09 – DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.132.999.020.000	25.731.363.636	38.505.239.661	60.627.607.868	7.474.695.729	1.265.337.926.894
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	39.366.128.954	(4.564.659)	39.361.564.295
Chia cổ tức	-	-	-	(56.649.951.000)	-	(56.649.951.000)
Số dư đầu năm nay	1.132.999.020.000	25.731.363.636	38.505.239.661	43.343.785.822	7.470.131.070	1.248.049.540.189
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	21.684.803.043	(9.343.281)	21.675.459.762
Số dư cuối năm nay	1.132.999.020.000	25.731.363.636	38.505.239.661	65.028.588.865	7.460.787.789	1.269.724.999.951

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	113.299.902	113.299.902
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	113.299.902	113.299.902
- Cổ phiếu phổ thông	113.299.902	113.299.902
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	113.299.902	113.299.902
- Cổ phiếu phổ thông	113.299.902	113.299.902
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng đô la Mỹ (USD)	113.410,70	50.199,61
- Tiền mặt	7.003,00	7.003,00
- Tiền gửi ngân hàng	106.407,70	43.196,61
Đồng EURO	925,30	935,15
- Tiền gửi ngân hàng	925,30	935,15

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận bán hàng hóa, vật tư; Bộ phận bán thành phẩm và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bán hàng hóa	- bán thuốc, hóa dược, dược liệu.
Bộ phận bán thành phẩm	- sản xuất thuốc các loại, hóa dược và dược liệu.
Bộ phận cung cấp dịch vụ	- cho thuê cơ sở hạ tầng.

Công ty không tách được tài sản và các khoản nợ phải trả theo từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Bán hàng hóa VND	Bán thành phẩm VND	Loại hình khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	299.405.006.779	757.325.126.705	8.365.212.080	-	1.065.095.345.564
Tổng doanh thu	299.405.006.779	757.325.126.705	8.365.212.080	-	1.065.095.345.564
Chi phí kinh doanh	293.941.730.669	566.284.243.416	-	-	860.225.974.085
- Giá vốn hàng bán	292.555.984.425	562.779.090.108	-	-	855.335.074.533
- Chi phí bán hàng	1.385.746.244	3.505.153.308	-	-	4.890.899.552
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	5.463.276.110	191.040.883.289	8.365.212.080	-	204.869.371.479
Chi phí không phân bổ					134.371.319.416
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					70.498.052.063
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					-
Doanh thu hoạt động tài chính					2.971.391.910
Chi phí tài chính					43.258.189.305
Lợi nhuận (lỗ) khác					(2.061.860.047)
Lợi nhuận trước thuế TNDN					28.149.394.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành					6.468.328.890
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					5.605.969
Lợi nhuận sau thuế TNDN					21.675.459.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Bán hàng hóa VND	Bán thành phẩm VND	Loại hình khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	505.550.627.216	824.730.775.797	9.751.353.373	-	1.340.032.756.386
Tổng doanh thu	505.550.627.216	824.730.775.797	9.751.353.373	-	1.340.032.756.386
Chi phí kinh doanh	499.534.573.606	615.712.628.540	-	-	1.115.247.202.146
- Giá vốn hàng bán	497.253.835.773	611.991.943.447	-	-	1.109.245.779.220
- Chi phí bán hàng	2.280.737.833	3.720.685.093	-	-	6.001.422.926
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	6.016.053.610	209.018.147.257	9.751.353.373	-	224.785.554.240
Chi phí không phân bổ					133.988.532.542
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					90.797.021.698
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					-
Doanh thu hoạt động tài chính					6.515.043.180
Chi phí tài chính					46.183.731.165
Lợi nhuận (lỗ) khác					(1.436.482.743)
Lợi nhuận trước thuế TNDN					49.691.850.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành					10.327.547.880
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					2.738.795
Lợi nhuận sau thuế TNDN					39.361.564.295

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 160 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, đồng thời trên 90% doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.066.796.488.421	1.341.155.656.626
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	299.405.006.779	505.550.627.216
- Doanh thu bán thành phẩm	759.026.269.562	825.853.676.037
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.208.360.380	8.731.639.473
- Doanh thu khác	1.156.851.700	1.019.713.900
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.701.142.857	1.122.900.240
- Giảm giá hàng bán	-	28.459.000
- Hàng bán bị trả lại	1.701.142.857	1.094.441.240
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.065.095.345.564	1.340.032.756.386
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.2 – bên liên quan)	1.822.691.196	195.794.902.495

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	292.555.984.425	497.253.835.773
Giá vốn bán thành phẩm	557.680.850.583	597.787.755.860
Xử lý hàng hỏng	12.843.899.129	6.433.096.918
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.745.659.604)	7.771.090.669
Cộng	855.335.074.533	1.109.245.779.220

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	654.265.025	4.041.747.228
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.317.126.885	2.473.295.952
Cộng	2.971.391.910	6.515.043.180

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	36.548.872.295	40.619.602.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.139.553.407	3.490.731.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	3.569.763.603	2.073.396.979
Cộng	43.258.189.305	46.183.731.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.376.110.663	2.862.242.597
Chi phí vật liệu, bao bì	54.985.520	36.553.064
Chi phí đồ dùng cụ, đồ dùng	6.968.667	13.579.924
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.588.745	18.588.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.344.332.062	1.671.714.603
Chi phí bằng tiền khác	1.089.913.895	1.398.743.994
Cộng	4.890.899.552	6.001.422.926

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.372.722.828	54.120.134.453
Chi phí vật liệu quản lý	2.887.292.487	4.171.687.040
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.684.118.998	7.579.616.915
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.735.552.303	9.352.880.076
Thuế, phí và lệ phí	14.985.816.005	14.840.978.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.384.529.099	14.142.629.959
Chi phí bằng tiền khác	7.106.345.820	9.588.485.853
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	40.214.941.876	20.192.119.946
Cộng	134.371.319.416	133.988.532.542

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	75.000.000	-
Thu nhập khác	13.007.744	82.018.781
Cộng	88.007.744	82.018.781

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	4.104.477	1.011.366.850
Nộp phạt vi phạm hành chính và truy thu, phạt chậm nộp thuế	54.515.363	127.915.066
Thù lao HĐQT	300.000.000	280.000.000
Chi phí khác	1.791.247.951	99.219.608
Cộng	2.149.867.791	1.518.501.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	6.468.328.890	10.327.547.880
Công ty TNHH Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Việt Mỹ	-	-
Cộng	6.468.328.890	10.327.547.880

10. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.684.803.043	39.366.128.954
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.684.803.043	39.366.128.954
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (**)	113.299.902	113.299.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	191	347
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	191	347
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(*) Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty chưa ước tính được quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 do điều lệ Công ty không quy định. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(**) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.665.366.352	514.836.249.926
Chi phí nhân công	105.805.526.979	117.978.307.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.760.611.578	32.037.525.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.371.208.950	29.601.160.556
Chi phí khác bằng tiền	23.715.999.335	26.551.436.845
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	40.214.941.876	20.192.119.946
Cộng	704.533.655.070	741.196.800.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm như sau:

Hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội theo hợp đồng số 298/XNĐĐ/HĐTNCN ngày 10/09/2014. Địa điểm thuê tại số 160, khu phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, thành phố Hà Nội với mục đích để làm cơ sở kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật. Thời hạn thuê là 03 (ba) năm kể từ ngày 01/01/2014. Tổng diện tích nhà thuê là 2.464,1 m². Ngày 01/10/2018, Công ty ký phụ lục gia hạn thuê nhà đất đến ngày 31/12/2018. Đến hiện tại, hai bên đang trong quá trình làm việc để gia hạn hợp đồng thuê đất.

Hợp đồng thuê đất số 69-2001/ĐCND-HĐTĐTN ngày 22/11/2001 với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội. Địa điểm thuê đất tại xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội với mục đích thuê để xây dựng Nhà máy bào chế dược phẩm tiêu chuẩn GMP theo dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 954/QĐ-TTg ngày 13/10/1999 và theo điều 1 Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 17/08/2000. Diện tích thuê là 68.818 m². Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 17/08/2000. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Pháp Vân	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đại Hải Hà Petro	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải Hải Minh Hưng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Trung ương I - Pharbaco	Công ty liên kết
Ông Vũ Hồng Khoa	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại dịch vụ Lê Vũ	Có ông Vũ Hồng Khoa - Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật
Công ty TNHH Vận tải biển Đại Dương Thái Bình	Có ông Vũ Hồng Khoa - Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Việt Nam	Công ty có liên quan đến ông Nguyễn Đình Tuấn - thành viên HĐQT (ông Tuấn là chủ tịch HĐQT)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharbaco Thái Bình	Công ty có liên quan
Các thành viên chủ chốt khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.822.691.196	195.794.902.495
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải Hải Minh Hưng	911.515.500	194.522.180.635
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	911.175.696	1.272.721.860
Mua hàng	-	29.638.193.801
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải Hải Minh Hưng	-	29.638.193.801
Góp vốn ủy thác đầu tư	-	137.443.287.674
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	-	137.443.287.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.153.874.952	22.367.783.677
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải Hải Minh Hưng	16.976.071.942	22.189.980.667
Công ty Cổ phần Bệnh viện Trung ương I - Pharbaco	177.803.010	177.803.010
Phải thu dài hạn khác	137.443.287.674	137.443.287.674
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	137.443.287.674	137.443.287.674

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	540.000.000	1.204.832.800
Ông Vũ Hồng Khoa	120.000.000	80.000.000
Bà Trần Tuyết Mai - Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 04 năm 2023)	-	40.000.000
Ông Tô Thành Hưng	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	50.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	60.000.000	-
Bà Lưu Quỳnh Mai	70.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Mai - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2024)	-	477.000.000
Bà Hà Thị Thanh Hoa - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2024)	-	120.000.000
Ông Nguyễn Đăng Khánh - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 04 năm 2023)	-	40.000.000
Bà Trần Vũ Hải Yến - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 04 năm 2023)	-	87.832.800
Ban Tổng Giám đốc	2.212.000.000	2.492.026.000
Ông Tô Thành Hưng	643.000.000	674.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	393.000.000	416.369.000
Ông Nguyễn Văn Quang	638.000.000	670.109.000
Bà Hà Thị Thanh Hoa	538.000.000	545.167.000
Ông Nguyễn Đức Thịnh - Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 04 năm 2023)	-	185.881.000
Ban Kiểm soát	1.202.358.800	1.202.427.100
Bà Khổng Thị Hương Lan	228.581.300	251.708.300
Bà Phùng Thị Ngà	349.524.300	297.115.600
Bà Tăng Thị Diệu Linh	624.253.200	653.603.200
Cộng	3.954.358.800	4.899.285.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 618.699.723.699 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 712.530.578.467 đồng.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-Pharbaco-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharbaco Thái Bình để xây dựng Nhà máy bào chế dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP. Địa điểm thực hiện dự án tại lô CN01, Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tổng mức đầu tư dự án là 600 tỷ đồng. Số tiền tham gia hợp tác đầu tư là 200 tỷ đồng. Theo đó, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 01/2025/PBC-TB ngày 25 tháng 02 năm 2025 với Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharbaco Thái Bình về việc hợp tác đầu tư liên quan. Phương thức phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động: theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ vốn góp theo báo cáo kiểm toán quyết toán vốn đầu tư. Căn cứ vào hợp đồng này, ngày 26 tháng 03 năm 2025, Công ty đã thực hiện chuyển tiền từ tài khoản số 0021000303803 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội số tiền 200 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharbaco Thái Bình để tham gia hợp tác đầu tư vào dự án.

Tại ngày 10 tháng 03 năm 2025, Công ty đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-2025/BBTL với Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà về việc thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05012023/PBC-HAI HA ngày 05 tháng 01 năm 2023 (xem chi tiết thuyết minh V.4). Do Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà đã vi phạm tiến độ đầu tư trong hợp đồng và tính đến ngày 10 tháng 03 năm 2025, dự án xây dựng tòa nhà thương mại HAI HA PETRO tại đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ dân phố số 6 thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vẫn chưa hoàn thiện. Do đó, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2024, vào ngày 27 tháng 03 năm 2025, bà Trần Vũ Hải Yến đã thay mặt Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Hải Hà chuyển tiền vào tài khoản số 0021000303803 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để hoàn trả số tiền hợp tác kinh doanh tương ứng 137.443.287.674 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trần Thị Bích Loan
Người lập

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025